TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **185**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 9 - 2019
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đức Thị Minh Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Nhạn – Cán bộ hưu trí.
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1435/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ông Phạm Xuân B, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Nhà số 13, tổ 4, phường T, TP. T, tỉnh Th.
- **Bị đơn**: Bà Lê Thị Mỹ Tr, sinh năm 1994.
Địa chỉ: khu phố M, P. Q, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông B và bà Tr có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn - ông Phạm Xuân B trình bày:** Ông và bà Lê Thị Mỹ Tr xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP. T, tỉnh Th trên cơ sở cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng cãi vã lẫn nhau. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trở nên trầm trọng. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích không đạt được xin được ly hôn với bà Tr để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai ngày 17/7/2019 và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/7/2019 bị đơn - bà Lê Thị Mỹ Tr** thì bà và ông Phạm Xuân B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP. T, tỉnh Th trên cơ sở cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống và không có con chung nên vợ chồng thường xuyên bất đồng dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mặc dù bà và ông Bách đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng nên bà và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích không đạt được nên đồng ý ly hôn với ông B để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Phạm Xuân B; Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Cả ông B và bà Tr đều xác định là không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Ông B phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Thị Mỹ Tr hiện cư trú tại địa bàn TP. Biên Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Biên Hòa theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Xuân B và bị đơn bà Lê Thị Mỹ Tr đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo qui định tại các Điều 207; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt ông B và bà Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân B và bà Lê Thị Mỹ Tr xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP. T, tỉnh Th trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn đoàn tụ nhưng ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cương quyết xin ly hôn với bà Tr để trả tự do cho nhau. Tại bản tự khai ngày 17/7/2019 và lời trình bày tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/7/2019 bà Tr cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống và không có con chung nên vợ chồng thường xuyên bất đồng dẫn đến cãi vã lẫn nhau. Mặc dù bà và ông B đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn

không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng nên bà và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích không đạt được nên đồng ý ly hôn với ông B để trả tự do cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông B và bà Tr là có thật, đã xảy ra trong khoảng thời gian dài, hiện cả hai đã không còn chung sống với nhau và đã thật sự trầm trọng, có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hàn gắn, đoàn tụ cũng không đạt kết quả.

Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Bách, giải quyết cho ông B được ly hôn với bà Tr

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Ông B phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Xuân B.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Xuân B được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ Tr.

Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết

Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Xuân B phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008498 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Ông B và bà Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THADS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu VP – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đức Thị Minh Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Đồng Nai
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quyên